

Tiên Dung - Chử Đồng Tử

Cuộc hôn nhân giữa Tiên Dung và Chử Đồng Tử là thông điệp nói lên nếp sống tự do, luyện ái, hôn nhân bình đẳng, gia đình phân công trong tinh thần tự do, bình đẳng, yêu thương hợp nhất trên nền tảng lý tác động hai chiều, lý đối lập thống nhất và tinh thần phân công hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi để thăng hoa cuộc sống và con người với định hướng của nền tâm học dân tộc: Biến – Hóa – Thăng hoa – Hòa đồng, và hòa cùng vũ trụ.

Đời vua Hùng Vương thứ III công chúa Tiên Dung, tuổi vừa đôi tám, dung nhan tú lệ, nguyện không lấy chồng vì chỉ thích ngao du thiên hạ. Vua Hùng chiều con mà nghe theo. Mỗi năm, khoảng hai tháng, nàng sửa soạn ghe thuyền, lên đênh ngoài biển, vui chơi quên cả ngày về.

Lúc bấy giờ tại Chử Xá Lang có người tên là Chử Vy Vân sinh được một người con trai đặt tên là Chử Đồng Tử. Hai cha con tính vốn hiền lành, nhà đã nghèo lại bị cháy nên của cải khánh tận chỉ còn một cái khổ vải để cha con ra vào thay nhau mà mặc. Khi bị bệnh già, người cha bảo con:

“Khi ta chết thì chôn lỗ cũng được, để cái khổ vải cho con mặc kéo xấu hổ.”

Cha chết, người con không nỡ làm theo lời cha dặn, cứ để cả khổ mà chôn. Từ đó, Chử Đồng Tử thân hình trần truồng, đôi lạnh không xiết, tối tối mang cần câu ra bờ sông câu cá, nghèo đến nỗi không có cả cái khổ che thân.

Một hôm, thuyền của Tiên Dung bỗng đến đó. Nghe thấy tiếng chuông trống, đàn sáo, thấy những nghi trượng cờ xí phát phới, Đồng Tử sợ hãi, không biết trốn tránh vào đâu. Chợt thấy trong bãi phù sa có chòm lau sậy lơ thơ năm ba gốc nên vội ẩn thân vào đó, đào cát thành huyệt để dấu mình rồi lấy cát phủ lên trên.

Lát sau, chẳng may thuyền Tiên Dung lại ghé vào. Nàng do chơi trên bãi cát rồi thuyền lấy màn quây kín tại chỗ lau sậy để tắm. Vào trong màn, Tiên Dung múc nước dội tắm, nước chảy làm trôi cát và thân hình Đồng Tử lộ ra. Khi biết đó là người con trai, Tiên Dung nói:

“Ta đã nguyện không lấy chồng, nay lại gặp người này ở trong huyệt cát, có lẽ trời khiến thế chăng? Thôi người hãy giậy mà tắm rửa đi.”

Rồi ban cho quần áo, cùng nhau xuống thuyền ăn uống, hoan lạc, mọi người trên thuyền đều cho đây là một sự gặp gỡ tốt lành xưa nay chưa từng có. Đồng Tử nói rõ sự tình cho Tiên Dung nghe, nàng thương xót, bảo làm vợ chồng. Đồng Tử cố từ nhưng Tiên Dung nói:

“Việc này tự trời tác hợp, việc gì mà từ chối?”

Những người tùy tùng mang việc này tâu lên vua Hùng, nhà vua giận, bảo rằng:

“Tiên Dung không biết trọng danh tiết, không biết tiếc tiền của ta, đi chơi giữa đường lại hạ giá với người nghèo, còn mặt mũi nào mà thấy ta nữa. Từ nay mặc kệ nó, không cho trở về nước nữa.”

Tiên Dung nghe tin, sợ không dám trở về mới cùng với Đồng Tử mở chợ búa, lập phố xá, cùng nhân dân mậu dịch. Dần dần nơi ấy thành một ngôi chợ lớn (nay là chợ Hà Lỗa), thương nhân ngoại quốc qua lại buôn bán, kính sự Tiên Dung-Đồng Tử làm chủ. Một nhà đi thương đến nói với Tiên Dung:

“Quý nhân xuất ra một thoi vàng, năm nay cùng với người nhà buôn ra ngoài biển mà mua vật quý, sang năm sẽ lời một thoi.”

Tiên Dung bảo Đồng Tử:

“Vợ chồng ta do trời định khiến, ăn mặc là của trời cho, bây giờ nên lấy một thoi vàng cùng với người nhà buôn đi ra biển mà mua hàng về làm kế sinh nhai.”

Đồng Tử bèn cùng đi với người nhà buôn. Ngoài biển có một hòn núi tên là Quỳnh Liên Sơn, trên núi có một chiếc am nhỏ, người đi buôn thường ghé vào đây mà múc nước. Đồng Tử lên chơi trên am, có một tiểu tăng tên là Phật Quang truyền phép cho Đồng Tử. Chàng lưu lại am nghe thuyết pháp, giao vàng cho người đi buôn mua hàng, dặn lúc nào trở về thì ghé lại am để chàng cùng về. Nhà sư tặng cho Đồng Tử một chiếc gậy và một cái nón rồi bảo:

“Linh thông tại đây đó.”

Đồng Tử trở về, mang chuyện đo Phật nói hết với Tiên Dung. Từ đó hai vợ chồng giác ngộ, bỏ chợ búa và nghề buôn, cùng nhau đi tìm thầy học đạo. Một hôm, trời đã tối mà chưa đến được nhà trọ, hai người đành ở lại giữa đường, cắm gậy úp nón lên để che sương. Đến canh ba, thấy thành quách hiện ra, lầu son đèn báu, đài các lăng miếu, kho tàng miếu xã, bạc vàng châu ngọc, giương chiếu mừng màn, tiên đồng ngọc nữ, tướng sĩ thị vệ la liệt đầy trước mắt. Sáng ra, ai trông thấy cũng lấy làm kinh dị, tranh nhau đem những hương hoa, ngọc thực đến dâng hiến và xưng thần. Văn võ bá quan, phân quân túc vệ lập thành một nước riêng biệt.

Vua Hùng nghe tin cho là con gái mình làm loạn, phát binh đi đánh. Quan quân đến, quân thần xin phân quân án ngữ, Tiên Dung cười rằng:

“Chuyện này không phải tự ta làm ra, cũng là trời giun giúi. Sinh tử tại thiên, ta đâu dám chống cha, phải thuận chịu điều chính, chờ lệnh chém giết.”

Lúc bấy giờ những người đang tập họp sợ hãi mà chạy tán loạn, chỉ còn bọn người cũ ở lại với Tiên Dung. Quan quân kéo đến đóng doanh ở bãi Tự Nhiên, chỉ còn cách một con sông lớn, ngày sắp tối nên chưa kịp tiến binh. Chừng đến nửa đêm, hốt nhiên gió lớn thổi lên làm nổi sóng, đổ cây, quan quân đại loạn, bộ đảng, thành quách của Tiên Dung nhất thời bay lên trời, đất ở chỗ ấy sụp xuống thành một cái đầm lớn. Sáng ra, dân gian không trông thấy thành quách nữa, cho là

linh dị bèn lập miếu đường, thời thường đến tế và gọi đầm ấy là Nhất Dạ Trạch, châu ấy là Man Trù Châu (còn gọi là Tự Nhiên Châu), chợ ấy là Hòa Lỗ Thị. Sau đến đời Nam Đế, binh nhà Lương sang xâm chiếm nước ta, vua sai Triệu Quang Phục làm tướng mang binh ngăn giữ. Quang Phục xuất chúng, tàng ẩn trong đầm sâu rộng bùn lầy, khó bề tiến thoái. Quang Phục cưỡi thuyền độc mộc qua lại cho tiện, thường nhân đêm tối đột xuất đánh phá, cướp lương thực của địch, làm kẻ tri cửu khiến giặc kiệt quệ. Ba bốn năm trường giặc vẫn không tiến chiếm được. Bá Tiên phải than rằng:

“Đời xưa gọi là đầm nhất dạ thẳng thiên, ngày nay lại là đầm nhất dạ đạo kiếp.”

Gặp lúc Hàu Cảnh tác loạn bên Trung Hoa, vua Lương triệu Bá Tiên về, ủy quyền cho tỳ tướng Dương Sấn thống lĩnh quan quân. Quang Phục trai giới thiết đàn ở trong đầm, đốt hương cầu đảo. Thoát thấy thần nhân cưỡi rồng giáng xuống giữa đầm, bảo Quang Phục rằng:

“Ta lên trời nhưng linh dị còn ở đây, ngươi có lòng thành cầu đảo, ta đến giúp để bình loạn tặc.”

Thần nhân cỡi vuốt rồng đưa cho Quang Phục bảo giắt vào đầu đầu-mâu thì hễ đánh đâu là thắng đó. Nói đoạn lại bay về trời. Quang Phục y như lời dặn đem binh đột kích, binh Lương đại bại, chém được tướng Dương Sấn ở trận tiền, quân Lương tháo chạy.

Quang Phục nghe tin Nam Đế mất bèn tự lập lên làm Triệu Vương, đóng đô ở quận Vũ Ninh núi Trâu Sơn.

Truyện Tiên Dung-Chử Đồng Tử còn được gọi là truyện “Nhất Dạ Trạch” như được kể trên, đã mang một số tình tiết, sắc thỹ mà chúng ta cần cân nhắc để lượng định.

Chúng ta biết rằng những nhà sưu tầm rồi biên soạn ra những huyền thoại, huyền tích... vào thời trước đều là những Nho sĩ. Họ là những người đã chịu ảnh hưởng sâu đậm của Nho giáo hoặc Phật giáo hay Lão giáo vào thời kỳ được gọi là Tam Giáo Đồng Lưu. Tùy theo mức độ ảnh hưởng của một trong ba “giáo” này hoặc ảnh hưởng của cả ba “giáo” kết tụ lại, những nho sĩ ấy đã tùy nghi thêm thắt vào câu chuyện những tình tiết mang dấu ấn của những ảnh hưởng sâu đậm mà họ bị chi phối. Vì thế, họ đã vô tình làm biến dạng sắc thái đích thực mà tiền nhân Việt muốn nêu lên trong truyện.

1. Truyện Tiên Dung-Chử Đồng Tử đã được xác định ngay từ câu vào đề của truyện, đã xảy ra vào đời vua Hùng thứ III. Theo truyền thuyết Hồng Bàng, triều đi vua Hùng bắt đầu từ năm 2,879 trước Tây Lịch (TTL). Nếu tạm xem như thời vua Hùng thứ III vào khoảng 279 năm sau thời kỳ lập quốc (để có một con số chẵn) thì chúng ta có niên đại 2,600 TTL.

Trong khi đó, tính theo Phật lịch thì năm nay (1999) là năm thứ 2,543, nghĩa là thái tử Tất Đạt Đa được sinh ra vào năm 544 TTL. (2542 - 1998 = 544). Như vậy rõ ràng là Đức Phật Thích Ca được sinh ra vào khoảng 2,000 năm sau thời vua Hùng thứ III. Vì thế, khi

trong truyện có chi tiết **“Chử Đồng Tử ghé vào thăm một am ở trên núi và được một tiểu tăng tên là Phật Quang truyền pháp cho”** rõ ràng là do một nho sĩ chịu ảnh hưởng sâu đậm của Phật giáo hoặc do một nhà sư nào đó thêm thắt vào. Chúng ta biết rằng vào thời vua Hùng thứ III, Đức Phật chưa ra đời thì làm sao có am thờ Phật và làm sao có thể có tiểu tăng tên là Phật Quang được!!!

2. Từ thời vua Hùng thứ III đến thời đại Âu Lạc (năm 259 TTL), dân Âu Lạc không hề trao đổi hoặc tiếp xúc văn hóa Hán tộc nên tổ tiên chúng ta vào thời vua Hùng thứ III không biết gì về Hán tự là chuyện đương nhiên. Thế mà trong truyện lại ghi tên của người con trai nghèo khổ là Chử Xá (tức Chử Đồng Tử) rõ ràng là Hán tự. Rồi lại còn gọi tên truyện là Nhất Dạ Trách cũng hoàn toàn là Hán tự.

Một vài nhận định kể trên chứng tỏ rằng những người sưu tập rồi biên soạn huyền thoại, huyền tích Việt đã chịu ảnh hưởng những kiến thức văn hóa ngoại nhập mà họ đã thu lượm được.

3. Sự thêm thắt một cách “thoải mái” những tình tiết, khía cạnh này nọ vào truyện còn được biểu lộ thêm trong đoạn cuối: **“Triệu Quang Phục đã dùng Nhất Dạ Trách làm căn cứ du kích để rồi đánh thắng được quân nhà Lương nhờ có thần nhân cười Rồng giáng xuống đầm, cỡi vượt Rồng trao cho Triệu Quang Phục...”** Có lẽ tác giả muốn hàm ý Tô của Việt tộc là Lạc Long Quân đã hiện về giúp đỡ?

4. Duyệt lại những huyền thoại, huyền tích ghi trong Việt Điện U Linh, trong Lĩnh Nam Chích Quái..., chúng ta nhận ra rằng tất cả những truyện thuộc loại trên đều đã được gia giảm, mà “gia” thì nhiều hơn “giảm”. Một số tình tiết mang dấu ấn Nho hoặc Phật hay Lão, hoặc bị trộn lẫn với huyền thoại, huyền tích của Trung Hoa hay Ấn Độ hoặc của một vài nước khác trong vùng Đông Nam Á, kể cả việc bị trộn lẫn với tri thức ghi trong sử Trung Hoa.

Hiện nay cũng còn có người cho rằng triết lý truyền thống của Việt tộc dọn đường cho thần học Việt Nam. Có lẽ những người này vì chịu ảnh hưởng của văn hóa ngoại nhập, muốn tô thêm, muốn quét thêm một lớp sơn văn hóa nữa lên cốt lõi tư tưởng Việt để che phủ bản sắc đặc thù của dân tộc Việt? Cho phù hợp với ý đồ vọng ngoại của họ? Truyện được truyền miệng từ thế hệ này sang thế hệ khác, mỗi thế hệ kể theo trí nhớ và cách nhìn của người đương thời. Vì thế, một số chi tiết đã được thêm vào hoặc bị bỏ đi hay uốn nắn lại cho phù hợp với cách nhìn đã bị ảnh hưởng của tư tưởng ngoại nhập.

Đã đến lúc chúng ta cần phải sáng suốt gỡ bỏ những lớp sơn văn hóa ngoại nhập để nhận thấy tinh hoa của nền minh triết Việt trong các thông điệp của tiền nhân. Chỉ khi nào gỡ bỏ được tất cả những lớp sơn văn hóa ngoại nhập để cuối cùng tỏ lộ cốt lõi Việt thì chúng ta mới hiểu được cha ông chúng ta muốn nhắn gửi điều gì cho hậu thế.

I. Tự Do Luyến Ái Trong Văn Hóa Việt

Truyện Tiên Dung-Chử Đồng Tử minh họa tình yêu chân chính trong tự do và đặt hôn nhân trên căn bản tình yêu. Đây là quan niệm tự do luyến ái nhưng lành mạnh, trong sáng

đưa đến hôn nhân để xây dựng gia đình và phục vụ nhân sinh. Tổ tiên Việt thật tài tình! Tài tình ở chỗ chỉ cần dùng một hình ảnh cụ thể và đơn giản mà nói lên được đầy đủ, trọn vẹn và sống động triết lý sống về tình yêu trai gái: tự do duyên ái, hôn nhân bình đẳng, gia đình phân công.

Nàng và chàng gặp nhau bên bờ sông, ưng ý nhau, rồi lấy nhau. Họ không bị bất cứ một hình thức vật chất hoặc tinh thần nào bên ngoài ràng buộc. Họ không bị một khuôn mẫu đạo đức hay hệ thống giáo điều của tôn giáo nào chi phối, trói buộc. Thật tự do! Hoàn toàn tự do! *Điều này phản ánh tính chất nhân bản trong nền minh triết Việt: không có hố sâu giai cấp ngăn cách.*

Họ không phân biệt giàu nghèo, sang hèn mà chỉ lấy nhau vì tình yêu hồn nhiên và trong sáng. Có thể nói Tiên Dung và Chử Đồng Tử là nhân vật hư cấu, mối tình hồn nhiên, tươi đẹp và trong sáng giữa Tiên Dung và Chử Đồng Tử là huyền thoại *nhưng tự do duyên ái, hôn nhân bình đẳng, gia đình phân công trong nếp sống của nông dân Việt li là hiện thực.* Điều này còn cho thấy cha ông chúng ta sớm ý thức hôn nhân phải được xác lập trên tình yêu và tự do, *trái ngược hẳn với nhân sinh quan Nho giáo khi coi người phụ nữ như không bao giờ trưởng thành: tại gia tòng phu, xuất giá tòng phu, phu tử tòng tử.*

II. Hôn Nhân Bình Đẳng

Có lẽ không có hình ảnh nào minh họa sự bình đẳng tốt cùng như hình ảnh một nàng công chúa được nuông chiều, phóng khoáng, yêu thiên nhiên như Tiên Dung lại kết duyên với một chàng nhà quê mồ côi, cùng khổ nhưng hiền lành, hiếu thảo. Chử Đồng Tử quả thực không có gì cả: không còn cha, không còn mẹ, không nhà cửa, không của cải, không có anh em lẫn họ hàng, không bạn bè láng giềng, không quần áo, và ngay đến cái khổ cũng không có.

Khi quây màn để tắm, nước làm trôi cát khiến Tiên Dung phát giác ra Chử Đồng Tử. Và nước cũng làm trôi sạch phần sơn vương giả trên gương mặt nàng. ở giây phút chỉ có hai người trong màn tắm, cách biệt hẳn với mọi người chung quanh, với giàu sang quyền tước, hai người không còn bị phân cách bởi ngoại vật, bởi áo quần, bởi cát bùn hay sơn phấn, không bị bất cứ thứ gì làm sai lệch hình ảnh của chính mình hay của người kia(1). *Hai người đã gặp nhau trong bình đẳng, con người đối diện với con người.* Tình yêu trong họ phát sinh một cách hồn nhiên đầy tính người và tình người, trong sáng, tự do và bình đẳng.

III. Xã Hội Bình Đẳng

Cha ông chúng ta chủ trương con người bình đẳng tự căn cơ: mọi người đều sinh ra từ một bọc trăm trứng, cùng nở ra một lúc. Hình ảnh nam nữ bình đẳng, cha mẹ bình đẳng được thể hiện qua thần tổ kép Tiên-Rồng. Tại đây, hình ảnh bình đẳng được minh họa thêm bằng cuộc hôn nhân giữa Tiên Dung và Chử Đồng Tử.

Khi tương giao, khi đối xử với nhau như Tiên Dung và Chử Đồng Tử, không để bất cứ ngoại vật, hoàn cảnh hay tâm trạng nào chi phối mà chỉ thấy có con người với tấm lòng trong sáng và hồn nhiên. Mọi người sinh ra đều bình đẳng: cùng trong một bọc, cùng nở một lúc.

*Khác nhau tấm áo, manh quần,
Thả ra bóc trần ai cũng như ai.*

Tinh thần bình đẳng trong nền văn hóa Việt, được huyền thoại hóa qua hình ảnh bọc trăm trứng nở trăm con cùng một lúc.

Văn hóa Việt bắt nguồn và hình thành từ cách sống, cách nghĩ, cách làm của cư dân nông nghiệp ổn định lâu đời. Họ sống hòa hợp với thiên nhiên trong tinh thần hợp tác đồng lao, phân công hợp tác trên đồng ruộng. Dần dần tinh thần ấy được mở rộng ra môi trường xã hội. Mối liên hệ hài hòa giữa người với người đó xây dựng nên mối tương giao bình đẳng trong xã hội. Không có một dấu vết nào trong lịch sử cho thấy xã hội Việt có những giai cấp bần sinh như ở Ấn Độ, Nhật Bản, Trung Hoa hay Tây phương. Xã hội Việt cũng không có chế độ nô lệ. ***Chúng ta không nên lẫn lộn chế độ nô lệ có chủ trương, có học thuyết hãn hòi với những người giúp việc gọi là nô tỳ trong xã hội Việt.*** Bất cứ xã hội nào cũng có kẻ giàu người nghèo, người này giúp việc cho người nọ. Tuy nhiên, triết lý Việt bắt nguồn từ nếp sống nông nghiệp không bao giờ chấp nhận cũng như không bao giờ tin rằng có những con người được sinh ra để làm nô lệ cho những con người khác. *Trong khi đó, ở nhiều nền văn hóa khác trên thế giới đã to ra những nhà cai trị, những nhà tư tưởng, những triết gia chẳng những tin tưởng mà còn ngụy chứng thuyết phục rằng những sắc dân khác được sinh ra là để phục vụ cho họ. Chỉ có sắc dân của họ là ưu việt. Có sắc dân chủ trương thượng đế đã chọn họ. Họ có cả những chính sách, những trào lưu, những bộ luật, những triết thuyết công nhận và cổ võ chế độ nô lệ. Nhiều người trong họ xác tín rằng chế độ nô lệ là hợp với lẽ tự nhiên.*

Sau thời Bắc thuộc, trong xã hội Việt chỉ có nô tỳ chứ không hề có chế độ nô lệ. Văn hóa Việt làm gì có những chuyện khủng khiếp đó. Lịch sử Việt có những thời kỳ suy thoái, có những âm mưu, phản phúc, chia rẽ, bo động, có người ác lộng hành, có vài ông vua bo ngược, nhưng so với bất cứ lịch sử của những dân tộc nào khác, dân tộc Việt không có những chuỗi ngày dài bị các bạo chúa thống trị.

Trong suốt giòng lịch sử cả mấy ngàn năm, chỉ có vua Lê Long Đĩnh là bạo chúa nhưng cũng chỉ kéo dài được 4 năm. Có thể nói ở Việt Nam có bạo chúa như Lê Long Đĩnh chứ không có chủ trương chế độ quân chủ chuyên chế như Trung Hoa, Ấn Độ hoặc Tây Phương. Ngoài ra, Việt Nam cũng không có chế độ phong kiến như các nền văn hóa khác. Thời “Thập Nhị Sứ Quân” với 20 năm ly loạn là thời kỳ chia cắt, tranh giành quyền lực, không thể gọi là chế độ phong kiến.

Sau thời Bắc thuộc, các nhà lãnh đạo đất nước bấy giờ được nhân dân hoàn toàn cảm phục. Họ Khúc nổi tiếng về đức độ và lòng yêu nước. Họ Vương, họ Ngô là những anh hùng giải phóng dân tộc. Do xu hướng thống nhất chính trị, dân Việt chỉ muốn an cư lạc nghiệp và yêu chuộng hòa bình nên dân chúng đã ủng hộ Đinh Bộ Lĩnh trong sứ mệnh thống nhất đất nước, chấm dứt thời kỳ chia cắt một cách nhanh chóng (945 - 967 = 22 năm).

Trong khi đó tại Tây Phương, chế độ nô lệ không phải chỉ là chuyện quá khứ xa vời. Chế độ quốc xã Đức là kết tinh của quan niệm “chỉ có giòng giống Aryan da trắng mới thực sự là người”, còn các chủng tộc khác chỉ đáng làm nô lệ hoặc bị tiêu diệt. Còn dân Do Thái thì chủ trương họ là sắc dân được thượng đế lựa chọn nên họ khinh miệt các sắc dân khác. Bản chất của chủ nghĩa cộng sản là cưỡng bức bằng bạo lực và gây căm thù giai cấp. Vì cưỡng bức nên cộng sản khó tránh độc tài. Họ coi con người chỉ là một công cụ sản xuất để phục vụ cho ý thức hệ. Cộng sản chủ trương xã hội bình đẳng nhưng trên thực tế đã to ra một giai cấp thống trị bóc lột mới và tuyệt đại đa số người dân phải sống trong “một xã hội bình đẳng trong đói nghèo và áp bức”. Con người khi bị đơn giản hóa đến cực độ thì con người dứt khoát bị khai tử. Trong chế độ tư bản con người tương đối có chút tự do nhưng vì bản chất của tư bản là trục lợi và trịch thượng nên xã hội tư bản chỉ nhìn thấy lợi nhuận mà không nhìn thấy con người. Vì trục lợi quá đáng nên xã hội tư bản gây ra những bất công, tàn nhẫn. Vì trịch thượng nên tự do dân chủ lắm khi trở thành một trò chơi của giới tài phiệt, là cái bánh vẽ của người dân. Hình thức tự do dân chủ thì tồn tại nhưng tinh thần tự do dân chủ mất dần để đôi khi chỉ còn là nhãn hiệu quảng cáo.

Tóm lại, có thể nói, một bên bỏ quên con người, một bên thì con người bị đơn giản hóa đến cực độ nên thân phận con người trong những xã hội đó thật là bi đát. Họ hô hào giải phóng con người nhưng thực chất lại giam giữ con người trong ý thức hệ không tưởng. Họ cổ xúy tự do bình đẳng nhưng thực chất là vị kỷ, tự tôn. Họ ca tụng nhân quyền nhưng trên thực tế con người bị đàn áp dã man.

Có lẽ không một ai có thể liệt kê được hết những khủng khiếp của Hán tộc và người Tây Phương đã đối xử với dân tộc họ cũng như đối xử với các dân tộc khác trên thế giới trong những thế kỷ vừa qua. Coi thường sinh mạng con người là một trong những nét nổi bật nhất của văn hóa Trung Hoa và Tây Phương. Những đại anh hùng của họ thường là những tên tội đồ tàn ác đối với các dân tộc khác. Tần Thủy Hoàng để lại Vạn Lý Trường Thành bằng biết bao nhân mạng để xây cất lên. Biết bao nhiêu đền đài, lăng tẩm của các bạo chúa đã xây cất trên biết bao nhiêu tiền của, mồ hôi, nước mắt và xương máu của người dân.

Văn hóa Việt hãnh diện vì không để lại những “kỳ quan”, không cần có chứ không phải không có khả năng. *Thành Cổ Loa, thành Thăng Long, Chùa Một Cột, Tòa Cửu Trùng Đài là di tích minh chứng tài năng về kiến trúc của dân tộc Việt. Người Việt không hãnh diện về những “kỳ quan” vì chúng vừa không cần thiết lại vừa nguy hại cho nếp sống và sinh mạng mà tất cả mọi người đều được tôn trọng. Đã từ lâu cha ông chúng ta chủ trương mọi người sinh ra đều bình đẳng qua biểu tượng bọc trăm trứng nở ra trăm con cùng một lúc. Và con đường sống yên vui của con người là nhân đạo mà tiền nhân Việt đã nhấn gờ trong các thông điệp Tiên-Rồng, Gậy Thần-Sách Ước..v.v..*

Tâm hồn người Việt có thể tóm gọn vào hai chữ tình nghĩa. Chính nhờ nếp sống định cư định canh trong tinh thần hợp tác đồng lao khiến nông dân Việt khao khát đời sống thanh bình, an cư lạc nghiệp với đồng ruộng, vườn cây, ao cá hơn là chiến tranh, tàn sát, chiếm đoạt trong nếp sống du mục võ biên.

Từ kinh nghiệm sống thực tiễn trong nền văn hóa nông nghiệp trồng lúa nước ổn định lâu đời rút ra từ trong khắp mọi ngành sinh hoạt, nông dân Việt xây dựng được một nếp sống hài hòa linh động đầy tình người qua sự ứng xử liên kết mềm mỏng (Tiên) mà quật cường bất khuất (Rồng), hiền hòa nhưng không nhu nhược, uyển chuyển (Tiên) mà không thiếu cứng rắn (Rồng) để tồn tại và phát triển. Chúng ta có thể gọi đó là triết lý sống Tiên-Rồng, triết lý sống hài hòa. Một khi nhận thức được tổ tiên chúng ta đã chiến đấu kiên cường, bất khuất như thế nào để bảo vệ đất nước thì chúng ta sẽ hiểu rõ hơn về tâm tính hiếu hòa của dân tộc Việt. Cha ông chúng ta ngày xưa sau khi chiến thắng kẻ thù xâm lược qua những trận Bch Đằng, Chương Dương, Hàm Tử, Chi Lăng, Đống Đa..v.v...vẫn nhún nhường chủ động cầu hòa, triều cống với thái độ nhẫn nhục của người trí hầu mang lại thái bình cho dân tộc dù phải hao tổn vật chất trong kho tàng.

Tổ tiên Việt không xem mọi chiến thắng bằng sự chém giết là vinh quang. Sự sống của con người là đáng quý hơn cả. Yếu tố đích thực quan trọng nhất trong xã hội bình đẳng chính là yếu tố con người, nói cách khác, là yếu tố dân tộc.

IV. Gia Đình Phân Công

Hình ảnh mẹ Tiên lên núi, cha Rồng xuống biển để mở rộng và phát triển đất nước đã đặt nền tảng cho quan niệm gia đình phân công của tiền nhân Việt. Hình ảnh Tiên Dung đem tiền của ra lập phủ xá, Chử Đồng Tử mang tiền ra biển đi buôn cũng nói lên quan niệm gia đình phân công trong triết lý sống Tiên-Rồng.

Sự phân công giữa vợ, chồng, con cái và ngay cả gia súc được thể hiện trong nếp sống Việt:

hay: *Chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa.*

hoặc: *Em về nhờ mẹ, anh bừa ruộng chiêm.*

hoặc: *Chồng chài, vợ lưới, con câu.*

*Cha khôn mẹ khéo
(cha dạy khôn mẹ dạy khéo trong giao dục nhân bản tâm linh: học ăn, học nói, học gói
(khéo), học mở (khôn))*

Chồng, vợ, con cái, mỗi người tùy theo cấu trúc và điều kiện thuận hợp riêng mà chu toàn công việc ứng hợp với khả năng của mình. Chính nhờ phân công theo chức năng mà cuộc sống bớt khó khăn, bớt nặng nhọc, thuận hòa và an vui hạnh phúc.

Phân công rất linh động và uyển chuyển, tùy hoàn cảnh tình huống chứ không phải phân chia công việc một cách cứng nhắc. Cho nên:

Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh.

hoặc:

*Anh ơi giữ lấy việc công,
Để em cày cấy mặc lòng em đây.*

Việc tạo dựng một gia đình giữa người nam và người nữ là một sự hòa hợp toàn diện giữa vật chất và tinh thần để xây dựng một gia đình êm ấm hài hòa, an vui hạnh phúc với mục đích tối hậu là sinh con và nuôi dưỡng chúng trở thành những con người hữu ích cho gia đình và nhân quần xã hội. Gia đình chính là xã hội nhỏ trong đó con người được trưởng dưỡng trong tình thương. Dân tộc là một xã hội lớn trong đó con người được bình đẳng phát huy khả năng. Nói đến con người là phải đề cập đến xã hội nhỏ là gia đình: gia đình phân công và dân tộc là xã hội lớn: xã hội phân quyền. Gia đình phân công và xã hội phân quyền là hai cơ chế bảo đảm sự bình đẳng trong gia đình và xã hội.

Biểu tượng thần tổ kép Tiên-Rồng chính là hình ảnh dạy chúng ta cách sống hài hòa bình đẳng như anh em trong cùng một bọc, nở cùng một lúc. Truyện Tiên Dung-Chử Đổng Tử là phần khai triển cụ thể và linh động triết lý sống Tiên-Rồng để mọi người thể hiện nếp sống bình đẳng qua hình ảnh tương giao giữa Tiên Dung và Chử Đổng Tử.

Sự hòa hợp của hai tâm hồn phát sinh tình yêu và tình nghĩa vợ chồng để cùng nhau tiến đến mục tiêu cao cả, trong đó sự quên mình và mưu cầu hạnh phúc cho nhau là tối thượng. Hơn nữa, vợ chồng không phải chỉ sống cho nhau mà còn sống cho con cái. Người vợ không chỉ sống cho chính bản thân mình mà còn sống cho chồng con và người chồng cũng không chỉ đòi hỏi quyền lợi cho riêng mình. Vì thế, điều gì mang lại hạnh phúc cho gia đình đều được cả hai vợ chồng tận lực tìm cách thực hiện để mưu cầu hạnh phúc chung. Làm gì có sự cạnh tranh quyền hành, ai ra lệnh cho ai. Sự phân công tùy theo khả năng, cần mềm dẻo hay cứng rắn, cần sức lực hay sự khéo léo..v.v... Ai là người thích hợp nhất cho từng công việc chứ không phải là sự chỉ định, phân chia cứng nhắc vì: “Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh.” Người thích hợp nhất cho công việc sẽ tự động nhận lãnh trách nhiệm và được người kia trợ giúp. Kinh nghiệm sống hài hòa bền vững giữa vợ chồng được cha ông chúng ta gói ghém trong biểu tượng thần tổ kép Tiên-Rồng và được triển khai qua cuộc hôn nhân giữa Tiên Dung và Chử Đổng Tử để nhắc nhở chúng ta vận dụng lý tác động hai chiều giữa vợ chồng và lý đối lập thống nhất hài hòa và tinh thần phân công hợp tác vào cuộc sống gia đình cũng như xã hội để mang lại hạnh phúc cho mình và người.

Một nền văn minh không có hố sâu giai cấp trong xã hội, không có phái này áp chế phái kia. Trong gia đình phân công, phụ nữ có địa vị ngang với đàn ông, kể cả quyền tế tự (khác hẳn quan niệm trọng nam khinh nữ của Trung Hoa và Tây Phương). Đó là nền văn minh nhân bản chân chính. Con người chỉ được hạnh phúc trọn vẹn khi tất cả mọi người cùng được chung hưởng quyền lợi và chia sẻ trách nhiệm một cách hợp tình hợp lý.

V. Phát Triển Xã Hội

Trong kho tàng cổ tích của nhân loại, nếu có truyện hoàng tử hoặc công chúa lấy người bình dân thì người bình dân đó phải là một thiếu nữ tuyệt đẹp hoặc là một chàng trai khôi

ngộ, tài ba xuất chúng. Và câu chuyện thường được kết thúc bằng việc người bình dân trở thành vua chúa hoặc hoàng hậu và tận hưởng sự giàu sang quyền thế của người yêu.

Nàng công chúa xinh đẹp và được nuông chiều như Tiên Dung lại kết duyên với một chàng trai cùng khổ như Chử Đồng Tử thật hiếm hoi!! Cuộc tình duyên này không kết thúc bằng cách cho Chử Đồng Tử được hưởng giàu sang phú quý của vợ mà lại đưa nàng công chúa cành vàng lá ngọc vào cuộc sống đại chúng(2). Nét độc đáo này chứng tỏ cha ông chúng ta chủ trương con người chỉ được hạnh phúc trọn vẹn khi tất cả mọi người cùng được chung hưởng. Vì vậy, Tiên Dung đem của cải phát triển làng mạc phố xá và Chử Đồng Tử trở tài ra biển buôn bán. “Ra biển” là tinh thần của Rồng khai phá vùng ven biển, truyền dạy tài năng. Tiên Dung là hình ảnh mẹ Âu Cơ khai phá đồng bằng, rừng núi, nâng cao mức sống, truyền dạy phát triển tâm linh. Nhờ thế, cuộc sống của gia đình và xã hội được sung túc, ấm no; mọi người sống trong yêu thương đùm bọc, tài năng được tự do phát triển, tạo điều kiện thuận lợi thăng hoa cuộc sống và con người. *Tất cả đều bay lên trời trong ý nghĩa thăng hoa con người.*

Tất cả những nét độc đáo kể trên chứng tỏ truyện Tiên Dung-Chử Đồng Tử không phải là một truyện cổ tích bình thường mà chứa đựng nhiều bài học sâu sắc của tổ tiên Việt. Có lẽ bài học căn bản nhất là tự do luyện ái, hôn nhân bình đẳng, gia đình phân công, trong tinh thần bình đẳng, và tư tưởng thăng hoa trong nền minh triết Việt.

Bình đẳng giữa nam nữ, bình đẳng giữa mọi người trong xã hội, bình đẳng trong tình yêu, bình đẳng trong việc phát triển xóm làng-đất nước.

Ở đâu có bình đẳng (Tiên) thì ở đó có tự do (Rồng). Tự do chỉ đến với những ai đã no cơm ấm áo và được đãi ngộ bình đẳng trên mọi phương diện. Bình đẳng đích thực chỉ hiện hữu khi mọi người đều được tự do phát triển khả năng để nâng cao đời sống và giá trị làm người. Không thể có tự do không bình đẳng và cũng không thể có bình đẳng thiếu tự do.

Trên bình diện tâm lý và xã hội, bình đẳng là tinh thần cao độ của một tập thể con người không bóc lột nhau: công bằng là đo người ta ở đời.

Tự do là tinh thần cao độ của một tập thể con người biết chấp nhận dị biệt: rằng trong lẽ phải có người có ta.

Không bóc lột nhau mới tạo được một xã hội bình đẳng. Chấp nhận dị biệt mới xây dựng được một xã hội dân chủ tự do.

Chính nếp sống nông nghiệp ổn định lâu đời: hợp quần hài hòa, hợp tác đồng lao, phân công hợp tác trong tinh thần tương thân, tương trợ, tương ái đã xây dựng cho dân tộc Việt cổ một cơ cấu xã hội khá đặc biệt với gia đình phân công và xã hội phân quyền (xã thôn tự trị).

Điểm độc đáo của cha ông chúng ta là có cái nhìn chân xác và sâu sắc nên đã đặt tự do luyện ái trong tương giao nam nữ bình đẳng và xã hội bình đẳng trong bối cảnh mọi người đều được tự do phát triển khả năng để nâng cao giá trị trong việc phát triển xã hội.

Ở đâu có tự do bình đẳng thì ở đó mọi người sống trong yêu thương đùm bọc: bình đẳng, tự do, yêu thương hợp nhất. Cha ông chúng ta đã dùng hình ảnh bọc trăm trứng nở ra trăm con cùng một lúc làm biểu tượng cho sự hợp nhất của bình đẳng, tự do và yêu thương. Và sự hợp nhất này được khai triển qua cuộc hôn nhân giữa Tiên Dung-Chử Đồng Tử một cách cụ thể và linh động hơn.

Bình đẳng, dân chủ, tự do và yêu thương là nền tảng của xã hội nhân bản và nhân chủ.

Như vậy, theo văn hóa Việt, bất cứ việc gì cũng phải bao hàm trọn vẹn đủ hai mặt Tiên-Rồng (Âm-Dương), kể cả con người cũng bao gồm thú tính (Rồng) và nhân tính (Tiên): Tiên-Rồng (Âm-Dương).

Mấu chốt là ở chỗ biết vận dụng nhân tính làm chủ tư duy và hành động để thăng hoa cuộc sống và con người.

Về mặt xã hội, dù có đem tài sức của Rồng ra khai phá mà thiếu mặt Tiên, tức là thiếu phần phát triển tinh thần như tình thương, trí tuệ... thì chẳng những không làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn mà trái lại càng làm cho xã hội thêm xáo trộn, bất công khiến con người thêm khốn đốn, đau khổ, biến con người thành kẻ nô lệ cho vật chất hoặc thần linh.

Trong việc phát triển đất nước, mặt chủ động là Tiên. Tiên Dung là người chủ động trong việc xây dựng xóm làng. Điều này có nghĩa là trong việc nước, yếu tố trường cửu, truyền thống, tinh thần dân tộc là động lực, là yếu tố chính.

Trong việc làng, qua truyện Quả Dưa Đỏ, An Tiêm (yếu tố Rồng) giữ phần chủ động trong việc vun xới, chăm sóc vườn dưa ngoài hoang đảo. Trong đời sống dân làng tuy phải có sức sống tinh thần chung của dân tộc, nhưng Rồng là chủ động, tức ý muốn nhấn mạnh đến cuộc sống thực tế, tới sức mạnh, sức lao động và của cải thiết thực trước mắt.

VI. Tự Túc - Tự Cường - Tự Lực Mưu Sinh

*Nước lã mà vã nên hồ,
Tay không dựng nổi cơ đồ mới ngoan.*

Cuộc đời có ý nghĩa là ý nghĩa trong tự do. Tiên Dung tự do chọn người yêu. Công chúa tự do chọn cuộc sống đi chúng. Hai vợ chồng tự lực mưu sinh với đôi bàn tay xây dựng, với tình yêu thương trong sáng hồn nhiên và trí óc minh mẫn. “Chẳng nên thời chớ chẳng nhờ tay ai.” Nàng đem của cải xây dựng xóm làng, nâng cao mức sống người dân. Chàng trở tài ra biển buôn bán, học hỏi. Đó là hình ảnh gia đình phân công hợp tác của lý tắc Tiên-Rồng: Rồng trở tài khai phá vùng ven biển, Tiên xây dựng xóm làng, khai hoang rừng núi. Hai vợ chồng tự lực mưu sinh. *Họ hy sinh, nhẫn nại, cần cù làm việc để xây dựng cuộc sống an vui cho mình và người.* Họ cùng nhau chung sức, chung lòng, tận tâm, tận lực. Họ đã đề trọn tâm huyết và cuộc đời vào việc phát triển xóm làng, xây dựng quê hương. Quan niệm sống đó dẫn đến tinh thần lạc quan, yêu đời, tin tưởng ở mình và tương lai.

Hình ảnh Tiên Dung và Chử Đồng Tử tự lực xây dựng xóm làng chính là hình ảnh người dân Việt xây dựng “xã thôn tự trị” để bảo vệ tự do và dân chủ. Đó là đơn vị hành chính tự trị phát triển sinh hoạt kinh tế, chính trị, văn hóa...

Nếp sống đặc thù của chế độ xã thôn tự trị trong nền văn hóa nông nghiệp của dân tộc Việt khác hẳn tổ chức xã hội, chính trị của các nền văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và Tây Phương. Chính xã thôn tự trị, về mặt tích cực, đã bảo vệ tự do dân chủ của người dân Việt từ ngàn xưa. Quyền hạn của vua quan Việt chẳng những không được can thiệp vào đời sống của dân làng mà cũng không được xâm phạm đến nếp sống của làng xã.

Đối với triều đình, mỗi làng là một đơn vị hành chính tự trị. Trong mỗi làng, dân làng tự lập, tự quyết cho chính làng mình. Trong phạm vi làng, cả quyền phép của vua quan cũng phải kiêng nể những điều lệ riêng tư của mỗi làng: *Phép vua thua lệ làng* hoặc *Quan cần nhưng dân không vội. Quan có vội, quan lợi quan đi.*

“**Làng**”, như hình ảnh Tiên Dung-Chử Đồng Tử tự lực xây dựng xóm làng, tự lập đến nỗi chẳng những có ban quản trị riêng do chính dân làng trực tiếp bầu ra mà còn có cả những điều lệ riêng cho hệ thống hành chính của làng. Làng có một ngôi đình để thờ thần Thành Hoàng riêng với những nghi thức tế lễ do truyền thống riêng của làng. Từ đó dẫn đến ý thức khước từ độc quyền chân lý: *Rằng trong lẽ phải có người có ta*, và tự do tín ngưỡng: *Trống làng nào, làng ấy đánh. Thánh làng nào, làng ấy thờ.*

Làng có cả tổ chức trị an riêng với những tiêu chuẩn thưởng phạt do làng quy định. Và dĩ nhiên, làng có tài sản riêng, toàn quyền sử dụng theo nhu cầu của làng.

Nếu lấy thời điểm nước Âu Lạc (khoảng nửa thế kỷ thứ III trước Tây Lịch) để so sánh thì tại Trung Hoa, Ấn Độ và Tây Phương chưa có chế độ nào tự do dân chủ bằng chế độ xã thôn tự trị của dân Việt.

VII. Con Người Hòa Cùng Vũ Trụ

Hầu hết các truyện huyền thoại trong văn hóa Việt đều minh họa, dưới nhiều hình thức khác nhau, “chủ trương thăng hoa con người và cuộc sống”, trên nguyên lý tác động hai chiều và lý đối lập thống nhất. Đó là điều kiện cần và đủ để con người bước vào tiến trình thăng hoa theo chiều kích tình thương và trí tuệ với định hướng của nền tâm học dân tộc Biến – Hóa – Thăng hoa – Hòa đồng, hòa cùng vũ trụ.

Theo quan niệm sống của người Việt cổ, con người và vạn vật đều thăng hoa theo vòng xoắn ốc (xem truyện Thành Cổ Loa). Không những con người mà cả thú vật và cây cỏ cũng bay lên trời trong ý nghĩa thăng hoa. “ Tiên Dung và Chử Đồng Tử cùng thành quách nhất thời nhô lên bay về trời...” Phù Đổng Thiên Vương cưỡi ngựa sắt bay lên trời sau khi hoàn thành sứ mạng cứu quốc trong ý nghĩa con người thăng hoa.

Còn những sự kiện khác là do trải qua các thời đại, người sưu tầm biên soạn vì chịu ảnh hưởng tư tưởng của các nền văn hóa ngoại nhập đã thêm thắt vào.

Phải chăng chúng ta cần đứng vững trên đôi chân của mình, với tâm Việt hồn Việt, sáng suốt gỡ bỏ những lớp sơn văn hóa ngoại nhập mới có thể nhận thấy và thấu triệt được nền tâm học dân tộc Biến – Hóa – Thăng hoa – Hòa đồng trong các truyện My Châu-Trọng Thủy, Trầu Cau, Trương Chi-My Nương, Tiên Dung-Chử Đồng Tử. Đó là tư tưởng cốt lõi của nền minh triết nhân bản Việt.

Tóm lại, chúng ta có thể nói cuộc hôn nhân giữa Tiên Dung và Chử Đồng Tử là thông điệp nói lên nếp sống tự do luyến ái, hôn nhân bình đẳng, gia đình phân công trong tinh thần tự do, bình đẳng, yêu thương hợp nhất trên nền tảng lý đối lập thống nhất (bao hàm lý tác động hai chiều), và tinh thần phân công hợp tác, tạo điều kiện thuận lợi để thăng hoa cuộc sống và con người.

Vĩnh Như
Tủ Sách Việt Thương
www.tusachvietthuong.org

Ghi Chú:

- (1) Nam Thiên, Kinh Việt, NXB Hoa Tiên Rồng, Australia 1993, trang 37.
- (2) Nam Thiên, sđd, trang 34.